TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HS-ST
Ngày 20-4-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Văn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thanh Nhàn

2. Ông Nguyễn Đình Phùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Soan là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bạch Tuyết là Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2023/TLST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2023, đối với bị cáo:

Phạm Minh N, sinh ngày 19/4/2004, tại huyện P, tỉnh An Giang; nơi cư trú: khu phố M, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang; giới tính: Nam; nghề nghiệp: không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Phật giáo H1; trình độ học vấn: không biết chữ; con ông Phạm Minh C, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983; anh, em ruột: có 03 người, bị cáo là người thứ hai. *Quá trình nhân thân:* Từ nhỏ sống chung với gia đình tại ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang. Đến năm 2019, sinh sống cùng gia đình tại khu phố M, thị trấn S, huyện H, tỉnh

Kiên Giang, không biết chữ, bị bệnh tâm thần nhẹ, không nghề nghiệp. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo N bị bắt tạm giam từ ngày 17/4/2023 đến nay, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo N: Ông Quách Thanh P - Luật sư thuộc Văn phòng L2 – Đoàn Luật sư tỉnh A, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo N: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983; nơi cư trú: Khu phố M, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang, có mặt.

- *Bị hại:*

1. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1970

2. Bà Phan Thị Kim L, sinh năm 1975

Ông D, bà L cùng cư trú: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang, xin vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Thái Quốc K, sinh năm 2007 vắng mặt;

Người đại diện hợp pháp của K: Bà Phan Thị T1, sinh năm 1970 vắng mặt;

2. Nguyễn Minh S, sinh năm 1990 vắng mặt,

3. Lê Văn H, sinh năm 2006, vắng mặt;

Người đại diện hợp pháp của H: Ông Phạm Văn R, sinh năm 1985, vắng mặt;

4. Trương Thành N1, sinh năm 2007 vắng mặt,

Người đại diện hợp pháp của N1: Ông Lê Hoàng S1, sinh năm 1985, vắng mặt.

5. Phạm Văn D1, sinh năm 1982 vắng mặt;

2. Phan Thị T1, sinh năm 1970 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 28/7/2022, Phạm Minh N, sinh ngày 19/4/2004, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khu phố M, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang cùng với Thái Quốc K, sinh ngày 20/02/2007, ngụ ấp P, xã P, huyện P ngồi uống nước tại quán giải khát gần nhà của ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1970, thuộc ấp P, xã P. Lúc này, K thấy thấy Nguyễn Văn L1, sinh năm 2010 (cháu của ông D) cũng

đang ở quán giải khát nên N có ý định và rủ K đến nhà của ông D để lấy trộm tài sản. K đồng ý.

Sau đó, cả hai đến nhà ông D quan sát không thấy người, N mở cửa hàng rào lưới B40 đi vào đẩy cửa chính (loại cửa kéo Đài Loan) không khóa để vào nhà. Đến khu vực gian nhà bếp, thấy tủ quần áo (loại nhôm) có khóa cửa nên N tìm lấy cây kéo gần đó cạy cửa lấy trộm 01 con heo bằng đất giấu vào bên trong áo. Sau đó, cả hai trở ra gian nhà chính, N lấy 02 cái ví da để trên tủ gỗ đưa cho K 01 cái ví bên trong có 500.000 đồng, còn N giữ cái ví bên trong có số tiền 18.500.000 đồng. K lấy tiền, bỏ lại ví da, còn N bỏ ví da ở đâu không nhớ. Sau đó, cả hai đem heo bằng đất đến căn nhà bỏ hoang (cách nhà ông D khoảng 100m), N đập bể heo bằng đất, bên trong có số tiền 18.000.000 đồng. Cả hai tự lấy số tiền này để tiêu xài nhưng không xác định cụ thể mỗi người bao nhiêu.

Sau khi phát hiện mất trộm tài sản, ông D đến Công an xã P trình báo. Qua xác minh, Công an xã P nghi N và K có hành vi lấy trộm tài sản nên mời làm việc. Qua làm việc, cả hai thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản như nêu trên và tự nộp trả lại khoản tiền chưa sử dụng là 7.900.000 đồng. Trong đó, K nộp trả 7.100.000 đồng, N nộp trả số tiền 800.000 đồng.

Căn cứ Kết luận giám định pháp y tâm thần số 327/2022/KLGĐ ngày 28/10/2022 của Trung tâm P1 tại thành phố Cần Thơ, kết luận: về y học, tại thời điểm phạm tội và hiện tại đương sự có bệnh tâm thần, chậm phát triển tâm thần nhẹ (F70-ICD10); về năng lực, tại thời điểm phạm tội và hiện tại đương sự có năng lực trách nhiệm hình sự.

Căn cứ Công văn số 327.0/PYTT ngày 28/10/2022 của Trung tâm P1 tại thành phố Cần Thơ trả lời: về trách nhiệm hình sự, tại thời điểm phạm tội và hiện tại đương sự có năng lực trách nhiệm hình sự; về mặt pháp lý, việc xác định trách nhiệm hình sự là thuộc thẩm quyền của cơ quan tố tụng, Trung tâm chỉ cung cấp nguồn thông tin với vai trò bổ trợ tư pháp.

Ngày 05/12/20222, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện P khởi tố vụ án, khởi tố bị can và cấm đi khỏi nơi cư trú đối với N để điều tra, xử lý.

* Lời khai của bị hại Phan Thị Kim L, Nguyễn Văn D trình bày như nội dung vụ án. Hiện đã nhận lại số tiền 7.900.000 đồng bị mất trộm, số tiền còn lại

29.100.000 không yêu cầu Thái Quốc K và bị can Phạm Minh N trả lại do thấy hoàn cảnh gia đình của N và K khó khăn. Đối với cây kéo bị thu giữ không yêu cầu nhận lại.

* Lời khai của người đại diện hợp pháp của bị cáo N, người làm chứng: Nguyễn Thị T, Nguyễn Minh S, Lê Văn H, Trương Thành N1, Phạm Văn D1, Phan Thị T1, Thái Quốc K trình bày phù hợp với nội dung vụ án.

* Quá trình điều tra, Phạm Minh N khai nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu.

* Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện P thu giữ và trả lại cho bị hại Nguyễn Văn D số tiền 7.900.000 đồng. Ngoài ra, còn thu giữ 01 cây kéo bằng kim loại màu đen, cán cầm có bọc nhựa, đã qua sử dụng; nhiều mảnh vỡ con heo đất, màu vàng.

* Phần trách nhiệm dân sự

Bị hại Nguyễn Văn D không yêu cầu Phạm Minh N và Thái Quốc K bồi thường số tiền còn lại bị mất trộm là 29.100.000 đồng.

Cáo trạng số 09/CT-VKS-PT ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân truy tố bị cáo Phạm Minh N về Tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định như cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo, Viện kiểm sát đề nghị:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s, q khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Phạm Minh N mức án từ 06 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản". Ấn định thời gian thử thách từ 01 năm đến 02 năm. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 cây kéo bằng kim loại màu đen, cán cầm có bọc nhựa, đã qua sử dụng; nhiều mảnh vỡ con heo đất, màu vàng.

Người bào chữa cho bị cáo N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Bị cáo N là người có nhược điểm về tâm thần; hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình; thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo N có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, q, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp nhất cho hưởng án treo như theo phát biểu luận tội của Đại diện Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa, bị cáo N thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, không tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về Quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Trong giai đoạn điều tra và truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Xét thấy bị hại, người làm chứng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra và lời khai của những người này phù hợp với lời khai nhận của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, những người này vắng mặt tại phiên tòa cũng không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị hại, người làm chứng trong vụ án.

[2] Về trách nhiệm hình sự:

[2.1] Lời khai nhận tội của bị cáo N phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Công an huyện P.

Căn cứ vào các chứng cứ vừa nêu trên có đủ cơ sở kết luận: Phạm Minh N và Thái Quốc K (K chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự) đã có hành vi lén lút vào nhà của ông Nguyễn Văn D lấy trộm số tiền 37.000.000 đồng tiêu xài, bị phát hiện. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân truy tố đối với bị cáo Phạm Minh N về Tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[2.2] Tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Bị cáo Phạm Minh N là người đã thành niên, có kết luận giám định pháy y tâm thần xác định N có bệnh tâm thần, chậm phát triển tâm thần nhẹ; về năng lực, tại thời điểm phạm tội và hiện tại hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, về trách nhiệm hình sự: có năng lực trách nhiệm hình sự. Thời điểm phạm tội, bị cáo N bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nhưng vẫn nhận thức được việc lấy trộm tài sản người khác là vi phạm pháp luật. Bị cáo N thấy nhà ông D không có người trông coi nên đã rủ K vào nhà lấy trộm tiền của gia đình ông D tiêu xài. Hành vi của bị cáo K là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang, lo lắng cho người dân địa phương, do đó cần có hình phạt nghiêm nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[2.3] Nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Bị cáo N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo không biết chữ nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nhân thân chưa tiền án tiền sự nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì bị cáo N còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng nhưng xét bị cáo không nghề nghiệp, không thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[3] Về biện pháp tư pháp:

[3.1] Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện P thu giữ và trả lại cho bị hại thu giữ và trả lại cho bị hại ông Nguyễn Văn D số tiền 7.900.000 đồng, ông D không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xem xét giải quyết.

[3.2] Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện P còn thu giữ 01 cây kéo bằng kim loại màu đen, cán cầm có bọc nhựa, đã qua sử dụng; nhiều mảnh vỡ con heo đất, màu vàng không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[4] Về án phí: Bị cáo N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, q, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Phạm Minh N phạm tội " Trộm cắp tài sản";

Xử phạt bị cáo Phạm Minh N 06 (sáu) tháng tù nhưng được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án 20/4/2023.

Giao bị cáo Phạm Minh N cho Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Phạm Minh N thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019 để giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù theo bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 01 cây kéo bằng kim loại màu đen, cán cầm có bọc nhựa, đã qua sử dụng; nhiều mảnh vỡ con heo đất, màu vàng.

(Vật chứng, tài sản nêu trên hiện do Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/02/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân)

Căn cứ vào Điều 136, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Phạm Minh N phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Bị cáo (1);
- Đương sự (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện Phú Tân(1);
- Nhà tạm giữ, THAHS CA HPT(2);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- Chi cục THADS huyện Phú Tân (2);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh AG (1);
- Sở Tư Pháp tỉnh AG (1);
- Lưu hồ sơ Tòa án (1);
- Lưu VT (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thế Văn